

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 461 /SYT-NVD

Điện Biên, ngày 12 tháng 4 năm 2018

V/v: Hướng dẫn mua sinh phẩm chẩn đoán
invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018.

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc ngành Y tế.

Thực hiện Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018, Sở Y tế hướng dẫn các đơn vị mua sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất như sau:

Các đơn vị có nhu cầu sử dụng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất được phê duyệt tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 tự tổ chức mua sắm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các quy định tại Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nhận được Công văn này Sở Y tế yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo về Sở Y tế để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Các Phòng chức năng SYT;
- Website SYT;
- Lưu VT, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Giang Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 257/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 05 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ Y TẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1605
Ngày: 05/4/2018

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Tiếp theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018;

Xét Tờ trình số 107/TTr-SYT ngày 24/01/2018 của Sở Y tế; Báo cáo thẩm định số 54/STC-BCTĐ ngày 28/3/2018 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018, với các nội dung sau:

1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất năm 2018 chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Danh mục và số lượng của từng gói thầu

- Gói thầu số 1 có 04 mặt hàng (có biểu chi tiết kèm theo).

- Gói thầu số 2 có 36 mặt hàng (có biểu chi tiết kèm theo)

- Gói thầu số 3 có 06 thành phần, gồm 28 mặt hàng (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Quyết định này và giá sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất được phê duyệt tại Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Điện Biên, Sở Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu sử dụng sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất tổ chức mua sắm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về các sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư y tế, hóa chất mà đơn vị tự tổ chức mua sắm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KGVX^(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Quý

gợi thảo cùng
vật tư y tế
kèm theo Quyết đ
ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VND) đã có VAT	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1: Cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro	1.039.230.000	+ Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; + Ngân sách Nhà nước; + Nguồn thu từ dịch vụ	Tự thực hiện (giao cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng thực hiện)	Theo đơn giá cố định	11 tháng
2	Gói thầu số 2: Cung ứng vật tư y tế	726.378.248	khám bệnh, chữa bệnh;			
3	Gói thầu số 3: Cung ứng hóa chất	632.521.600	+ Các nguồn thu hợp pháp khác.			
Tổng cộng giá các gói thầu: 2.398.129.846 đồng.						

DANH MỤC SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO KHÔNG TRÚNG THẦU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

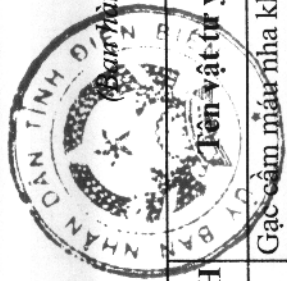
Lưu ý:

Hóm 1: Gồm sinh phẩm được sản xuất tại các nước: Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Italia, Nhật, Canada hoặc tương đương

Hóm 2: Gồm sinh phẩm được sản xuất tại các nước còn lại

Số HH	Tên sinh phẩm	Nhóm	Đơn vị tính	Yêu cầu kĩ thuật	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
003	Test nhanh chẩn đoán giang mai	1	Test		10.760	25.000	269.000.000
010	Test nhanh chẩn đoán ung thư tiền liệt tuyến	1	Test	Test nhanh theo phương pháp miễn dịch, xét nghiệm định tính, phát hiện kháng nguyên PSA gây bệnh ung thư tiền liệt tuyến trong huyết thanh hoặc huyết tương người; Độ nhạy: 98,8% Độ đặc hiệu: 98,6%	60	38.000	2.280.000
017	Test nhanh chẩn đoán HIV	1	Test		20.500	37.000	758.500.000
034	Test thử nước tiểu (dùng cho máy Urine Analyzer)	1	Test		1.000	9.450	9.450.000
	Cộng						1.039.230.000

Một tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng



DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ KHÔNG TRÚNG THẦU

Được trình kèm theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên

Mã HH	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
8,23	Gạc cầm máu nha khoa vô trùng	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2004/ISO 13485:2003	Cái	2.500	294	735.000
8,25	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng	Kích thước 6 x 6cm, vô trùng; Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016; Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây; Khả năng giữ nước: $\geq 10,5$ g nước/1g gạc; Độ ẩm: $\leq 5\%$; Độ acid và độ kiềm: đạt trung tính; Tinh bột hoặc Dextrin: không có; Các chất tan trong nước: $\leq 0,2\%$; Chất tan trong Ether: $\leq 0,2\%$; Đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy; Tiết	Miếng	15.600	480	7.488.000
11,2	Kim chích máu máy đông máu cầm tay coaguheck		Cái	220	10.000	2.200.000
11,8	Kim gây tê tuý sống G18, G27	Đốc kim trong suốt có phản quang để dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống.Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim.Có nhiều cỡ khác nhau: chiều dài 70 - 89, thích hợp với từng bệnh nhân, dễ dàng phân biệt được cỡ kim dựa theo màu sắc ở đốc kim.	Cái	2.000	16.000	32.000.000
13,36	Sonde rửa dạ dày	Dây dẫn thức ăn không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015	Cái	486	5.000	2.430.000
21,31	Túi dập mẫu vi sinh vô khuẩn	dung tích 400 ml	Túi	100	15.000	1.500.000
21,32	Túi hậu môn nhân tạo	Tấm chắn da chất hydrocol không gây dị ứng, chống dò dịch, dính chắc. Màng thấm nước PU không gây dò dịch và dính chắc trong thời gian dài, thuận tiện sử dụng	Cái	10	41.000	410.000
22,73	Lá chắn polyme		Hộp	2	330.000	660.000
22,77	Mũi cắt kim loại (Mũi cắt cầu)		Mũi	10	150.000	1.500.000
22,80	Mũi khoan kim cương sharpcut		Mũi	86	61.000	5.246.000
23,6	Asen		Lọ	3	13.000	39.000

Mã HH	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
23,7	Axit N-ETCH- etching dạng gel 37% Axit phosphoric		Tuýp	8	105.000	840.000
23,11	Cồn 90 độ	Phải được bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Chai	3.122	15.543	48.525.246
23,18	Dung dịch Lazarus	Chai 500ml	Chai	1	110.000	110.000
23,19	Dung dịch lugol	1% chai 500ml	Chai	9	170.000	1.530.000
23,20	Dung dịch Marciano	Chai 500ml	Chai	1	87.000	87.000
23,36	Naphashield 2% hoặc tương đương	Chai 500ml	Chai	10	65.000	650.000
23,37	Natri clorid	Dung dịch dùng ngoài chai 500ml	Chai	9.420	5.300	49.926.000
23,38	Oxy già		Lít	77	29.000	2.233.000
23,39	Oxyd kẽm	Chai 0,5kg	Chai	9	75.000	675.000
24,2	Áo phẫu thuật	Vô trùng được làm bằng chất liệu gác không dệt không hút nước, ngăn chặn được 95% vi khuẩn xâm nhập. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, tiệt trùng bằng khí EO GAS, không có vi khuẩn và nấm mốc đóng gói 2 lớp, hạn dùng 24 2 lỗ đầu 4 lỗ, 5 lỗ, 6 lỗ thân. Vật liệu thép y tế không gỉ. Nén ép lên thành xương. Sử dụng vít cứng 3.5 và vít xóp 3.5. Ứng dụng ốp nén củ đầu dưới xương quay xa khớp cổ tay.	Cái	52	32.000	1.664.000
24,6	Nẹp cấu trúc giải phẫu củ đầu dưới xương quay căng tay		Cái	4	1.400.000	5.600.000
24,8	Nẹp cố định gãy xương cổ các số		Cái	2	180.000	360.000
25,25	Giấy siêu âm 84mm x 13,5m	84mm x 13,5m	Cuộn	200	145.000	29.000.000
26,8	Cassette số CR 24 x 30 cm	24 x 30 cm	cái	4	20.690.000	82.760.000
26,9	Cassette số CR 35,4 x 43 cm	35,4 x 43 cm	cái	6	25.225.000	151.350.000
26,15	Clip kẹp mạch máu các số		Cái	11	43.000	473.000
26,22	Giá cầm Pipet 6 lỗ	Chân đế tròn, chất liệu nhựa cao cấp, có 6 vị trí cầm pipettes	Cái	9	513.000	4.617.000
26,28	Kẹp mũi Ý		Cái	10	169.000	1.690.000
26,31	Khẩu trang N95	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, SO 13485:2004/ISO	Cái	70	20.000	1.400.000
26,39	Màng lọc	Đường kính 47mm, màng lọc kích thước lỗ 0,22µm	Tờ	100	20.000	2.000.000
26,40	Màng lọc kích thước 0,45 µm, đường kính 47 mm	Hộp/100 tờ	Hộp	1	1.990.000	1.990.000



STT	Mã HH	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
6,61		Rotors 20 Pos		Hộp	5	6.300.000	31.500.000
6,67		Spectrum Improved Compule	Spectrum TPH3 Syringe Refill	Nhộng	2	45.000	90.000
6,70		Tập dề không thấm nước		Cái	20	55.000	1.100.000
6,71		Test thử đường huyết Combo-Accu-Chek Active 50		Test	25.200	10.000	252.000.000
		Cộng					726.378.246

Bảy trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm bốn mươi sáu đồng

DANH MỤC HÓA CHẤT KHÔNG TRÚNG THẤU

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

Mã HH	Tên máy/tên hóa chất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
H14	Thành phần 14: Hóa chất định nhóm máu bằng máy					465.990.000
14.1	Matrix ABO/Rho(D) Forward Grouping Confirmation Card	24 card/hộp	Card	8.200	51.450	421.890.000
14.2	Matrix Diluent-2 LISS	250ml	Chai	35	1.260.000	44.100.000
H21	Thành phần 21: Hóa chất cho máy Phân tích Nước tiểu tự động UA-5800					71.064.000
21.1	Hóa chất A	Can 5 lít	Hộp	20	3.150.000	63.000.000
21.2	Nước rửa kim	Lọ 230ml	Hộp	12	672.000	8.064.000
H29	Thành phần 29: Hoá chất rửa cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Miura One ISE, S r l					23.773.600
29.1	Nước rửa hệ thống Systemic solution	Lọ 1 x 1000ml	Hộp	2	3.856.800	7.713.600
29.2	Nước rửa kim Rinse solution (EW Prb)	Hộp 6 x 20 ml	Hộp	2	2.890.000	5.780.000
29.3	Nước rửa cuvet Rinse solution (EW Cvt)	Hộp 6 x 50 ml	Hộp	2	2.890.000	5.780.000
29.4	Nước rửa đậm đặc Multiclean Solution	Lọ 1 x 100ml	Hộp	2	2.250.000	4.500.000
H30	Thành phần 30: Hóa chất cho máy UV-vis, AAS, Phương pháp chuẩn độ					46.529.000
30.1	Axit elohydric đậm đặc	Lọ/1000ml	Lọ	2	627.000	1.254.000
30.2	Axit acetic đậm đặc	Lọ/1000ml	Lọ	3	660.000	1.980.000
30.3	Buffer solution pH4	Lọ/1000ml	Lọ	1	748.000	748.000
30.4	Buffer solution pH7	Lọ/1000ml	Lọ	1	825.000	825.000
30.5	Buffer solution pH10	Lọ/1000ml	Lọ	1	1.540.000	1.540.000
30.6	Dinatri EDTA dihidrat (Na2EDTA.2H2O)	Hộp/ 500g	Hộp	1	3.520.000	3.520.000
30.7	Phenanthroline monohydrate C12H8N2.H2O	Hộp/10g	Hộp	1	2.200.000	2.200.000
30.8	Natri thiosulphate (Na2SO3)	Hộp/ 500g	Hộp	1	1.606.000	1.606.000
30.9	Bạc sun fat	Hộp/25g	Hộp	4	5.566.000	22.264.000
30.10	L- Ascorbic Acid (Ascorbic acid)	Hộp/25g	Hộp	3	1.540.000	4.620.000
30.11	Axit L-glutamic (C5H9NO4)	Hộp/25g	Hộp	1	2.530.000	2.530.000
30.12	Allylthiourea (C4H8N2S)	Hộp/25g	Hộp	1	2.970.000	2.970.000
30.13	Ông chuẩn EDTA 0,1N	Ông	Ông	2	236.000	472.000
H31	Thành phần 31: Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Herma Screen 18/ Hospitex Diagnostics					16.245.000
31.1	Dung dịch pha loãng	Hộp 20 lít	Hộp	1	3.014.000	3.014.000
31.2	Dung dịch pha vỡ hồng cầu	Chai 500 ml	Hộp	1	1.922.000	1.922.000
31.3	Dung dịch rửa máy	Hộp 5 lít	Hộp	1	8.747.000	8.747.000
31.4	Mẫu máu chuẩn máy	Lọ 2,5ml	Lọ	1	2.562.000	2.562.000
H32	Thành phần 32: Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Huma Count 60TS					8.920.000
32.1	Dung dịch pha loãng	Hộp/20 lít	Hộp	1	3.019.000	3.019.000
32.2	Dung dịch pha vỡ hồng cầu	Chai 500 ml	Hộp	1	3.801.000	3.801.000
32.3	Dung dịch rửa máy	Chai 1 lít	Hộp	1	2.100.000	2.100.000
	Tổng cộng: 06 thành phần bao gồm 28 mặt hàng					632.521.600

Sáu trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm đồng